

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	12 - 32
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (tên viết tắt là: BEWACO) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300107725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 (hình thức Công ty TNHH Một thành viên); và đã điều chỉnh lần 04 thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1300107725 ngày 01 tháng 12 năm 2015 (chính thức chuyển sang Công ty cổ phần), do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ: 280.000.000.000 đồng (hai trăm tám mươi tỷ đồng Việt Nam).

Công ty đang giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là NBT.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Điện thoại : +84 (0275) 3 825 727
- Fax : +84 (0275) 3 827 781
- Mã số thuế : 1300107725

• Thông tin về chi nhánh

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cày.	Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công cơ khí các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng (không gia công cơ khí trong địa bàn nội ô Tp. Bến Tre);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học, chi tiết: Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Thi công xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế-dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

4. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Chí Vũ	Chủ tịch HĐQT	01/12/2015	-
Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	Thành viên	01/12/2015	-
Bà Hồ Thị Bích Hà	Thành viên	01/12/2015	-
Ông Phan Đình Tân	Thành viên	01/12/2015	-
Bà Nguyễn Thị Kim Phương	Thành viên	01/12/2015	14/02/2017
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên	21/03/2017	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Phong	Trưởng ban	01/12/2015	-
Bà Trần Thị Hồng Phương	Thành viên	01/12/2015	01/12/2016
Bà Nguyễn Đình Huấn	Thành viên	01/12/2015	-
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên	21/03/2017	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	Tổng Giám đốc	01/12/2015	-
Bà Hồ Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc	01/12/2015	-
Ông Trần Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/12/2015	-

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Chí Vũ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng - Tổng Giám đốc, được Ông Phạm Chí Vũ ủy quyền ký tất cả các hợp đồng giao dịch, Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 theo Giấy ủy quyền số 26/GUQ-CTN ngày 01 tháng 12 năm 2015.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 33.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

9. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị



[Handwritten signature]

PHẠM CHÍ VŨ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bến Tre, ngày 09 tháng 08 năm 2017.

28
NG
HIỆM
IN V
ÂN
P. F

Số: 2314/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 8 năm 2017, từ trang 08 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKH kiểm toán số 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.958.884.679	52.662.892.324
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	34.420.796.317	27.062.028.787
111	1. Tiền		15.942.012.364	6.940.940.648
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.478.783.953	20.121.088.139
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.895.202.879	14.796.876.891
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	14.330.254.197	14.002.629.891
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	550.447.500	332.950.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.014.501.182	461.297.000
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	8.642.885.483	6.865.017.724
141	1. Hàng tồn kho		8.642.885.483	6.865.017.724
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	3.938.968.922
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3.938.968.922
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		461.858.333.577	482.263.980.930
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		447.230.533.511	463.056.629.343
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	447.214.700.177	463.032.351.565
222	- Nguyên giá		702.007.409.376	698.843.938.411
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(254.792.709.199)	(235.811.586.846)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	15.833.334	24.277.778
228	- Nguyên giá		190.000.000	190.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(174.166.666)	(165.722.222)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.648.723.120	14.625.183.107
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	1.648.723.120	14.625.183.107
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.979.076.946	4.582.168.480
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	12.979.076.946	4.582.168.480
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		520.817.218.256	534.926.873.254

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		223.395.184.212	236.902.163.403
310	I. Nợ ngắn hạn		69.773.055.655	72.180.744.066
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	2.047.530.582	3.284.102.207
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	286.804.304	337.771.604
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	3.477.719.613	1.264.006.137
314	4. Phải trả người lao động	V.13	1.850.997.744	4.821.271.143
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	1.580.682.639	1.740.813.669
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	36.564.359.484	36.376.853.066
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16a	22.182.415.200	22.976.987.177
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	1.782.546.089	1.378.939.063
330	II. Nợ dài hạn		153.622.128.557	164.721.419.337
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.16b	153.622.128.557	164.721.419.337
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		297.422.034.044	298.024.709.851
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	297.422.034.044	298.024.709.851
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.000.000.000	280.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.000.000.000	280.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.186.644.727	3.028.932.117
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.235.389.317	14.995.777.734
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		11.235.389.317	14.995.777.734
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		520.817.218.256	534.926.873.254

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



Bến Tre, ngày 09 tháng 08 năm 2017.

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ ngày 01/12/2015 đến 30/6/2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	78.112.023.406	68.276.814.395
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	3.219.267
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.112.023.406	68.273.595.128
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	22.068.776.867	23.561.377.970
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.043.246.539	44.712.217.158
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	483.754.998	380.318.229
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	5.100.321.196	3.424.665.563
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.100.321.196	3.424.665.563
24	8. Chi phí bán hàng	VI.5	23.403.330.382	23.321.192.947
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	5.670.245.012	6.563.930.400
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.353.104.947	11.782.746.477
31	11. Thu nhập khác		5.071.957	50.570.721
32	12. Chi phí khác		-	75
40	13. Lợi nhuận khác		5.071.957	50.570.646
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.358.176.904	11.833.317.123
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12b	4.471.635.381	2.391.446.630
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.886.541.523	9.441.870.493
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	545	298
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	545	298

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



Bến Tre, ngày 09 tháng 08 năm 2017.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯỢNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/12/2015 đến 30/06/2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		84.999.607.348	71.293.413.641
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(22.917.142.358)	(26.251.623.426)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(15.639.570.711)	(17.771.521.809)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(5.260.452.226)	(5.356.691.199)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.676.727.496)	(1.567.766.523)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.750.013.129	12.429.353.068
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.915.188.364)	(97.701.404.051)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.340.539.322	(64.926.240.299)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(981.763.183)	(67.328.552.213)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		483.754.998	385.147.497
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(498.008.185)	(66.943.404.716)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	52.994.465.220
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(11.893.862.757)	(9.780.186.663)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.589.900.850)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(27.483.763.607)	43.214.278.557
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		7.358.767.530	(88.655.366.458)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		27.062.028.787	109.793.009.280
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	34.420.796.317	21.137.642.822

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG

Bến Tre, ngày 09 tháng 08 năm 2017.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ ĐIỂM PHƯỢNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên, với cổ phần vốn Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công cơ khí các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng (không gia công cơ khí trong địa bàn nội ô Tp. Bến Tre);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học, chi tiết: Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Thi công xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế-dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cà.	Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 255 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 259 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng (có thời hạn gốc không quá ba tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 06 tháng 07 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam được phân bổ với thời gian 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 25
Thiết bị và dụng cụ quản lý	05 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: vật tư, nước sạch thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng hoạt động xây dựng đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn..

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	3.006.227	112.130
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.939.006.137	6.940.828.518
- Các khoản tương đương tiền	18.478.783.953	20.121.088.139
+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	18.478.783.953	20.121.088.139
Cộng	<u>34.420.796.317</u>	<u>27.062.028.787</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	14.330.254.197	14.002.629.891
- Phải thu tiền nước của các hộ dân	14.330.254.197	13.879.893.891
- Các khách hàng khác	-	122.736.000
Cộng	<u>14.330.254.197</u>	<u>14.002.629.891</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các cá nhân, tổ chức khác</i>	550.447.500	332.950.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Miền Nam	-	-
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	333.200.000	330.450.000
- Các nhà cung cấp khác	217.247.500	2.500.000
Cộng	<u>550.447.500</u>	<u>332.950.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng cho nhân viên	173.607.076	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	840.894.106	-	461.297.000	-
Cộng	1.014.501.182	-	461.297.000	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	8.083.429.917	-	6.465.114.459	-
- Công cụ, dụng cụ	22.499.511	-	12.809.511	-
- Chi phí SXKD dở dang	536.956.055	-	387.093.754	-
Cộng	8.642.885.483	-	6.865.017.724	-

(*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lượng kế,...)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	197.538.719.641	44.346.775.017	456.302.949.207	655.494.546	698.843.938.411
Tăng trong kỳ	-	321.159.244	2.842.311.721	-	3.163.470.965
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	321.159.244	2.842.311.721	-	3.163.470.965
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	197.538.719.641	44.667.934.261	459.145.260.928	655.494.546	702.007.409.376
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	49.666.387.860	14.030.381.638	171.628.181.610	486.635.738	235.811.586.846
Tăng trong kỳ	4.613.863.928	1.926.707.980	12.422.361.917	18.188.528	18.981.122.353
- Khấu hao	4.613.863.928	1.926.707.980	12.422.361.917	18.188.528	18.981.122.353
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	54.280.251.788	15.957.089.618	184.050.543.527	504.824.266	254.792.709.199
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	147.872.331.781	30.316.393.379	284.674.767.597	168.858.808	463.032.351.565
Số cuối kỳ	143.258.467.853	28.710.844.643	275.094.717.401	150.670.280	447.214.700.177

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 231.702.333.269 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình, phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	190.000.000	190.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	190.000.000	190.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	165.722.222	165.722.222
Khấu hao trong kỳ	8.444.444	8.444.444
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	174.166.666	174.166.666
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	24.277.778	24.277.778
Số cuối kỳ	15.833.334	15.833.334

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	14.625.183.107	2.365.298.309	(3.163.470.965)	(12.178.287.331)	1.648.723.120
- Dự án hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc	5.283.707.591	634.916.356	294.773	(5.751.989.421)	166.929.299
- Dự án nhà máy nước An Hiệp	7.993.433.423	359.734.545	(1.997.982.842)	(6.076.592.399)	278.592.727
- Các công trình khác	1.348.042.093	1.370.647.408	(1.165.782.896)	(349.705.511)	1.203.201.094
Cộng	14.625.183.107	2.365.298.309	(3.163.470.965)	(12.178.287.331)	1.648.723.120

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lợi thế kinh doanh	1.882.842.820	2.547.375.579
- Chi phí công cụ, dụng cụ	11.096.234.126	2.034.792.901
+ Lắp đặt đồng hồ nước của dự án hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc (gói số 10,11)	4.667.005.687	-
+ Lắp đặt đồng hồ nước của dự án nhà máy nước An Hiệp (gói số 8)	4.937.231.324	-
+ Công cụ, dụng cụ khác chờ phân bổ	1.491.997.115	2.034.792.901
Cộng	12.979.076.946	4.582.168.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn

	<u>01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>01/12/2015 đến 30/06/2016</u>
Số dư đầu năm	4.582.168.480	7.330.931.709
Tăng trong kỳ	12.404.283.442	539.016.833
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	<u>(4.007.374.976)</u>	<u>(2.178.932.391)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>12.979.076.946</u>	<u>5.691.016.151</u>

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	2.047.530.582	3.284.102.207
- Công ty Cổ phần Nước ngầm II	1.167.664.091	1.167.664.091
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	-	2.011.335.288
- Các nhà cung cấp khác	<u>879.866.491</u>	<u>105.102.828</u>
Cộng	<u>2.047.530.582</u>	<u>3.284.102.207</u>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản nhận ứng trước tiền cung cấp nước sạch tại các huyện.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	286.804.304	337.771.604
- Huyện Giồng Trôm	210.184.604	210.184.604
- Ấp Tân Lợi, huyện Mỏ Cày	40.004.400	59.967.100
- Ấp Tân Long 3, huyện Mỏ Cày	18.933.414	33.119.500
- Ấp Chợ Xếp, huyện Mỏ Cày	<u>17.681.886</u>	<u>34.500.400</u>
Cộng	<u>286.804.304</u>	<u>337.771.604</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT đầu ra	-	-	1.739.030.695	(1.502.743.799)	236.286.896	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	664.004.223	-	4.471.635.381	(2.676.727.496)	2.458.912.108	-
- Thuế thu nhập cá nhân	71.100.153	-	27.955.830	(99.055.983)	-	-
- Thuế tài nguyên	34.594.780	-	198.316.060	(200.143.360)	32.767.480	-
- Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
- Phí bảo vệ môi trường	494.306.981	-	3.034.774.221	(2.779.328.073)	749.753.129	-
Cộng	<u>1.264.006.137</u>	<u>-</u>	<u>9.479.712.187</u>	<u>(7.265.998.711)</u>	<u>3.477.719.613</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

12a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

12b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.358.176.904
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	22.358.176.904
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>4.471.635.381</u>

13. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Viên chức quản lý, kiểm soát viên	133.000.000	256.153.760
- Cán bộ công nhân viên	1.717.997.744	4.565.117.383
Cộng	<u>1.850.997.744</u>	<u>4.821.271.143</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả của các ngân hàng.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>35.594.383.916</u>	<u>35.594.383.916</u>
- Phải trả về cổ phần hóa (tiền phải trả về việc bán cổ phần cho các cổ đông)	35.594.383.916	35.594.383.916
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	<u>969.975.568</u>	<u>782.469.150</u>
- Kinh phí công đoàn	29.912.504	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.000.000	49.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	885.063.064	733.469.150
Cộng	<u>36.564.359.484</u>	<u>36.376.853.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.182.415.200	22.182.415.200	22.976.987.177	22.976.987.177
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bến Tre ⁽²⁾	3.010.415.200	3.010.415.200	3.715.999.791	3.715.999.791
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽³⁾	660.000.000	660.000.000	660.000.000	660.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á – CN Bến Tre	-	-	88.987.386	88.987.386
Cộng	22.182.415.200	22.182.415.200	22.976.987.177	22.976.987.177

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	153.622.128.557	153.622.128.557	164.721.419.337	164.721.419.337
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	145.448.000.000	145.448.000.000	154.704.000.000	154.704.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽²⁾	6.633.363.422	6.633.363.422	8.146.654.202	8.146.654.202
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽³⁾	1.540.765.135	1.540.765.135	1.870.765.135	1.870.765.135
Cộng	153.622.128.557	153.622.128.557	164.721.419.337	164.721.419.337

(1) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008

- Hạn mức: 64.836.778.484 đồng;

- Thời hạn vay: 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ);

- Lãi suất: 5%/năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010 gồm tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 38.895.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 2.161.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng vốn ODA do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ theo hợp đồng số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 23/04/2013, hợp đồng sửa đổi số 01A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 19/06/2013, phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐODA-NHPTVN ngày 18/04/2014, hợp đồng sửa đổi số 02A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 02/07/2014

- Hạn mức: 177.360.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 15 năm (ân hạn 2,5 năm từ ngày giải ngân lần đầu);
- Lãi suất: 5%/năm (trong hạn), 7,5%/năm (quá hạn);
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước An Hiệp huyện Châu Thành giai đoạn 1, công suất 15.000 m³/ngày;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 125.065.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 7.095.000.000 đồng.

(2) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng tín dụng số 14.65.008/2014-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 03/07/2014

- Hạn mức: 2.500.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên);
- Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ;
- Mục đích vay: Cải tạo tháp oxy và cụm bể thép thành bể lắng Nhà máy nước Hữu Định;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 950.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 190.000.000 đồng.

b) Hợp đồng tín dụng số 13.33.001/HĐTD ngày 07/01/2013

- Hạn mức: 23.655.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 96 tháng (kể từ ngày 7/01/2013 đến ngày 07/01/2021);
- Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ;
- Mục đích vay: Đầu tư hệ thống cấp nước Khu công nghiệp và khu dân cư Giao Long, huyện Châu Thành, Bến Tre;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 5.702.693.551 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 763.711.180 đồng.

c) Hợp đồng tín dụng số 13.33.002/HĐTD ngày 17/01/2013:

- Hạn mức: 550.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 96 tháng (kể từ ngày 7/01/2013 đến ngày 07/01/2021).
- Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Đầu tư trạm cấp nước huyện Chợ Lách, Bến Tre.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 82.500.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 55.000.000 đồng.

d) Hợp đồng tín dụng số 14.65.14/2014-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 27/12/2014:

- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Cải tạo cum xử lý 1.200m³/ngày – Trạm cấp nước Chợ Lách.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 939.500.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 187.900.000 đồng.

e) Hợp đồng tín dụng số 15.65.003/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 13/03/2015:

- Hạn mức: 542.503.400 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm, hạng mục ống nhánh cấp nước uPVC_D60 (năm 2014).
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 298.376.870 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 54.250.340 đồng.

f) Hợp đồng tín dụng số 15.65.008/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 30/06/2015:

- Hạn mức: 565.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: mua máy bơm hiệu Grundfos.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 339.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 56.500.000 đồng.

g) Hợp đồng tín dụng số 15.65.12/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 24/07/2015:

- Hạn mức: 1.145.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre (đợt 2/2014).
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 523.880.500 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 80.597.000 đồng.

h) Hợp đồng tín dụng số 15.65.13/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 31/07/2015:

- Hạn mức: 1.485.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách (đợt 2/2014)
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 807.827.701 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 130.999.080 đồng.

(3) Là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7928997 ngày 06/10/2015:

- Số tiền vay: 3.025.765.135 đồng.
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày.
- Lãi suất: 9%/năm, định kỳ thông báo điều chỉnh lãi suất định kỳ 02 lần/năm.
- Mục đích vay: thực hiện thi công hạng mục Mạng lưới cấp nước KCM Giao Long giai đoạn 2.
- Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017: 2.200.765.135 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2017 là 330.000.000 đồng.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích			Số cuối kỳ
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.378.939.063	2.839.217.330	2.435.610.304	1.782.546.089
Cộng	1.378.939.063	2.839.217.330	2.435.610.304	1.782.546.089

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	179.200.000.000	64,00	179.200.000.000	64,00
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	48.662.000.000	17,38	48.662.000.000	17,38
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	42.000.000.000	15,00	42.000.000.000	15,00
- Khác	10.138.000.000	3,62	10.138.000.000	3,62
Cộng	280.000.000.000	100,00	280.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
		280.000.000.000	280.000.000.000
Cộng	280.000.000.000	280.000.000.000	-

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/12/2015 đến 31/12/2016
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	280.000.000.000	280.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.596.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	28.000.000	28.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.000.000	28.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP		

18d. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

18e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	15.596.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	3.157.712.610
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	2.839.217.330
• Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	:	54.000.000
Cộng		21.646.929.940

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>01/12/2015 đến 30/06/2016</u>
- Doanh thu cung cấp nước sạch	77.410.890.096	64.779.541.046
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	673.629.310	3.419.765.233
- Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	27.504.000	77.508.116
Cộng	78.112.023.406	68.276.814.395

2. Giá vốn hàng bán

	<u>01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>01/12/2015 đến 30/06/2016</u>
- Giá vốn cung cấp nước sạch	21.375.409.265	20.633.460.501
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	666.488.783	2.873.994.334
- Giá vốn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	26.878.819	53.923.135
Cộng	22.068.776.867	23.561.377.970

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Toàn bộ là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay các ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	01/01/2017 đến 30/06/2017	01/12/2015 đến 30/06/2016
- Chi phí cho nhân viên	3.672.761.812	4.228.614.678
- Chi phí vật liệu, công cụ	6.647.115.517	3.779.767.738
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.058.986.771	15.114.758.333
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.466.282	198.052.198
Cộng	23.403.330.382	23.321.192.947

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	01/01/2017 đến 30/06/2017	01/12/2015 đến 30/06/2016
- Chi phí cho nhân viên	3.288.246.765	3.766.096.670
- Chi phí khấu hao TSCĐ	363.383.450	393.424.211
- Chi phí phân bổ	1.120.762.324	1.516.427.683
- Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	7.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.250.000	-
- Chi phí bằng tiền khác	859.602.473	880.981.836
Cộng	5.670.245.012	6.563.930.400

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	01/01/2017 đến 30/06/2017	01/12/2015 đến 30/06/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.886.541.523	9.441.870.493
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.634.506.444)	(1.084.187.050)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.634.506.444)	(1.084.187.050)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.634.506.444)	(1.084.187.050)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.252.035.079	8.357.683.443
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) (**)	28.000.000	28.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	545	298

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2017. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) được tính như sau:

Chỉ tiêu	01/01/2017 đến 30/06/2017	01/12/2015 đến 30/06/2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	28.000.000	28.000.000
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.000.000	28.000.000

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	01/01/2017 đến 30/06/2017	01/12/2015 đến 30/06/2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.886.541.523	9.441.870.493
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	(2.634.506.444)	(1.084.187.050)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.634.506.444)	(1.084.187.050)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.252.035.079	8.357.683.443
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	28.000.000	28.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	545	298

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	01/01/2017 đến 30/06/2017	01/12/2015 đến 30/06/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.980.390.706	6.898.066.931
- Chi phí nhân công	13.671.678.806	15.810.292.357
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.989.566.797	19.247.546.603
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.557.992.513	6.745.928.804
- Các chi phí bằng tiền khác	1.059.418.533	1.565.512.844
Cộng	51.259.047.355	50.267.347.539

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và thư ký)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	01/01/2017 đến 30/06/2017	01/12/2015 đến 30/06/2016
- Lương	858.000.000	800.800.000
- Thù lao	138.000.000	155.400.000
Cộng	996.000.000	956.200.000

2. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

2a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh nước sạch;
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước;
- Doanh thu bán hàng hóa.

	Kinh doanh nước sạch	Kinh doanh xây lắp	Kinh doanh vật tư	Cộng
Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017				
Doanh thu thuần về bán hàng	77.410.890.096	673.629.310	27.504.000	78.112.023.406
Giá vốn hàng bán	21.375.409.265	666.488.783	26.878.819	22.068.776.867
Lãi gộp	56.035.480.831	7.140.527	625.181	56.043.246.539
Từ 01/12/2015 đến 30/06/2016				
Doanh thu thuần về bán hàng	64.779.541.046	3.416.545.966	77.508.116	68.273.595.128
Giá vốn hàng bán	20.633.460.501	2.873.994.334	53.923.135	23.561.377.970
Lãi gộp	44.146.080.545	542.551.632	23.584.981	44.712.217.158

2b. Khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017



3. Thông tin so sánh

Kỳ trước là số liệu phát sinh từ ngày 01/12/2015 đến ngày 30/06/2016 (7 tháng), không có tính chất so sánh với số liệu “kỳ này” là số liệu từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 (6 tháng) trên Kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ, chỉ có tính chất tham khảo.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 09 tháng 08 năm 2017.

Người lập biểu

NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng

VÕ THỊ THIÊN TRANG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ ĐIỂM PHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

DVT: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư tại ngày 01/12/2015	280.000.000.000			280.000.000.000
2. Tăng trong năm trước		3.028.932.117	20.192.880.782	23.221.812.899
- Trích quỹ đầu tư phát triển		3.028.932.117		3.028.932.117
- Lãi trong năm			20.192.880.782	20.192.880.782
3. Giảm trong năm trước			(5.197.103.048)	(5.197.103.048)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.168.170.931)	(2.168.170.931)
- Trích quỹ đầu tư phát triển			(3.028.932.117)	(3.028.932.117)
4. Số dư tại ngày 01/01/2017	280.000.000.000	3.028.932.117	14.995.777.734	298.024.709.851
5. Tăng trong kỳ		3.157.712.610	17.886.541.523	21.044.254.133
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.157.712.610	-	3.157.712.610
- Lãi trong kỳ	-	-	17.886.541.523	17.886.541.523
6. Giảm trong kỳ			(21.646.929.940)	(21.646.929.940)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.839.217.330)	(2.839.217.330)
- Thù lao, thưởng HĐQT và BKS	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)
- Trả cổ tức	-	-	(15.596.000.000)	(15.596.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(3.157.712.610)	(3.157.712.610)
7. Số dư tại ngày 30/06/2017	280.000.000.000	6.186.644.727	11.235.389.317	297.422.034.044

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG

Bến Tre, ngày 09 tháng 08 năm 2017.



Tông Giám đốc

NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯỢNG